

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2025/DS-PT
Ngày 15-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tấn;
Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 718/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án số 182/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; địa chỉ: số B, đường C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1994; ông Nguyễn Võ Đ; ông Phạm Ngọc T1; cùng địa chỉ: số L, số D, đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; ông T có mặt; ông T2, ông L vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Tấn D, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ C, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2024, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (gọi tắt là N1) và ông Lê Tấn D đã ký kết các Hợp đồng và Giấy nhận nợ để vay tiền của của Ngân hàng. Cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng từng lần số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023: số tiền vay 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng); thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 12.5%/năm (lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần); mục đích vay: mua đồ dùng trang thiết bị nội thất gia đình. Giải ngân theo Giấy nhận nợ số 01/GNN-0027/2023/702-TD-CV ký ngày 15/02/2023 và thế chấp tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0009/2023/702-TD-BĐ ngày 14/02/2023.

Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0097/2023/702-CV ngày 14/3/2023 để phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Cụ thể như sau: số tiền vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); nợ thẻ tín dụng: 38.490.776 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm chín mươi ngàn bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

Hợp đồng hạn mức thấu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023: số tiền vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 16.5%/năm.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất có diện tích 828,3 m² đất thuộc thửa đất số 777; tờ bản đồ số 20; tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CY 337533, số vào sổ cấp GCN: CS 14126 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 15/03/2021, cập nhật biến động ngày 14/02/2022 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0009/2023/702-TD-BĐ ngày 14/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-0009/2023/702-TD-BĐ ngày 14/02/2023.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông D trả nợ, nhưng vẫn không thực hiện. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng TMCP N của ông D đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP N. Do đó, Ngân hàng TMCP N đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu đối với bị đơn như sau:

Buộc ông Lê Tấn D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký, tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2024 là 2.048.604.702 đồng. Cụ thể:

- Nợ gốc là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng), trong đó nợ gốc của hợp đồng tín dụng từng lần số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023 là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng); nợ gốc của hợp đồng hạn

mức thầu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023 là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Nợ lãi trong hạn là 107.148.491 đồng (một trăm lẻ bảy triệu một trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi một đồng), trong đó nợ lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng từng lần số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023 là 91.055.341 đồng (chín mươi một không trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi một đồng); nợ lãi trong hạn của Hợp đồng hạn mức thầu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023 là 16.093.150 đồng (mười sáu triệu không trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng).

- Nợ lãi quá hạn là 189.024.657 đồng (một trăm tám mươi chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng), trong đó nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng từng lần số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023 là 187.397.260 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng); nợ lãi quá hạn của Hợp đồng hạn mức thầu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023 là 1.627.397 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

- Nợ lãi chậm trả lãi là 8.130.032 đồng (tám triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm ba mươi hai đồng). Trong đó bao gồm nợ lãi chậm trả lãi của hợp đồng tín dụng từng lần số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023 là 7.305.565 đồng (bảy triệu ba trăm lẻ năm nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng); nợ lãi chậm trả lãi của Hợp đồng hạn mức thầu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023 là 824.467 đồng (tám trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

- Nợ thẻ tín dụng: 44.301.522 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm lẻ một nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

Trong thời gian chưa thanh toán số tiền nợ, ông D vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông D không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký, thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất có diện tích 828.3m² thuộc thửa đất số 777, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CY 337533, số vào sổ cấp GCN: CS 14126 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 15/03/2021, cập nhật biến động ngày 14/02/2022 để thu hồi nợ theo quy định trong Hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ ông D có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi hết toàn bộ khoản nợ.

- Bị đơn ông Lê Tấn D đã được Tòa án triệu tập bằng hình thức niêm yết và thông báo trên phương tiện truyền thông theo quy định tại Điều 180 Bộ luật

Tổ tụng dân sự, đề ông D đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án. Tuy nhiên ông D vắng mặt không có lý do.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với bị đơn ông Lê Tấn D về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Lê Tấn D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền (nợ gốc, nợ lãi) tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 2.040.474.670 đồng (hai tỷ không trăm bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) trong đó bao gồm:

- Nợ gốc là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng), trong đó nợ gốc của hợp đồng tín dụng từng lần số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023 là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng); nợ gốc của hợp đồng hạn mức thấu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023 là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Nợ lãi trong hạn là 107.148.491 đồng (một trăm lẻ bảy triệu một trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi một đồng), trong đó nợ lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng từng lần số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023 là 91.055.341 đồng (chín mươi một không trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi một đồng); nợ lãi trong hạn của hợp đồng hạn mức thấu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023 là 16.093.150 đồng (mười sáu triệu không trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng).

- Nợ lãi quá hạn là 189.024.657 đồng (một trăm tám mươi chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng), trong đó nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng từng lần số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023 là 187.397.260 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng); nợ lãi quá hạn của hợp đồng hạn mức thấu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023 là 1.627.397 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

- Nợ thẻ tín dụng: 44.301.522 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm lẻ một nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày 01/10/2024, ông Lê Tấn D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, phí phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp ông Lê Tấn D không trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất có diện tích 828.3m² thuộc thửa đất số 777, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh

Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CY 337533, sổ vào sổ cấp GCN: CS 14126 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 15/03/2021, cập nhật biến động ngày 14/02/2022 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ thì ông Lê Tấn D có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N về việc buộc ông Lê Tấn D phải thanh toán số tiền 8.130.032 đồng (tám triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm ba mươi hai đồng) nợ lãi chậm trả lãi. Trong đó bao gồm nợ lãi chậm trả lãi của hợp đồng tín dụng từng lần số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023 là 7.305.565 đồng (bảy triệu ba trăm lẻ năm nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng); nợ lãi chậm trả lãi của hợp đồng hạn mức thấu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023 là 824.467 đồng (tám trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 12/11/2024 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận phần lãi chậm trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Tấn D đã được triệu tập hợp lệ và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng TMCP N và bị đơn ông Lê Tấn D đã ký kết các hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023,

Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0097/2023/702-CV ngày 14/3/2023, Hợp đồng hạn mức thấu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023 với nội dung cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng từng lần số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023: số tiền vay: 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng); thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 12.5%/năm (lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần); mục đích vay: mua đồ dùng trang thiết bị nội thất gia đình.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0097/2023/702-CV ngày 14/3/2023 để phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N: số tiền vay 30.000.000 đồng; nợ thẻ tín dụng: 38.490.776 đồng.

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023: số tiền vay 100.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 16.5%/năm.

Ngân hàng TMCP N đã giải ngân cho ông Lê Tấn D toàn bộ số tiền nêu trên theo Giấy nhận nợ số 01/GNN-0027/2023/702-TD-CV ký ngày 15/02/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Tuy nhiên, bị đơn ông Lê Tấn D chưa trả nợ gốc và lãi kể từ khi giao kết các hợp đồng vay cho đến nay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông D phải trả: Buộc ông Lê Tấn D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký, tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2024 là 2.048.604.702 đồng.

[2.1] Xét thấy, thực hiện các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông D vay tổng số tiền 1.700.000.000 đồng ông D có nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng. Xét thấy, các Hợp đồng tín dụng số 0027/2023/702-TD-CV ngày 14/02/2023, Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0097/2023/702-CV ngày 14/3/2023, Hợp đồng hạn mức thấu chi số 0204/2023/702-TD-CV ngày 06/09/2023 đã được Ngân hàng và bị đơn ký kết, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thời hạn là vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, vi phạm Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên phải có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 02/7/2024 là 2.040.474.670 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 107.148.491 đồng, nợ lãi quá hạn là 189.024.657 đồng, nợ thẻ tín dụng: 44.301.522 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP N đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N về việc buộc ông Lê Tấn D phải thanh toán số tiền 8.130.032 đồng nợ lãi chậm trả lãi: Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 thì pháp luật không có quy định về lãi chậm trả lãi. Đồng thời, đối

chiếu các quy định khác của pháp luật như tại Quyết định số 1627/2001/NHNN, ngày 31/12/2001 của Ngân hàng N2 ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng, được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/NHNN, ngày 03/02/2005 thì chỉ quy định lãi của các tổ chức tín dụng với khách hàng bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn (lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn) và khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng*”. Như vậy việc các bên thỏa thuận lãi chậm trả lãi phải đúng trên cơ sở quy định của pháp luật (khoản 4 Điều 1 quyết định 127/2005/NHNN) nhưng Ngân hàng tính lãi chậm trả lãi là không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Vì thế, yêu cầu của nguyên đơn về lãi chậm trả lãi là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 182/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005805 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tại cấp phúc thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N phải chịu số tiền 4.050.000 đồng, đã thực hiện xong.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- TAND thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Luật

Nguyễn Minh Tấn

Nguyễn Thị Huyền

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Luật

Nguyễn Minh Tấn

Nguyễn Thị Huyền